



BẢN TIN PHÁP LUẬT
Tháng 3/2023

TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- **Hỏi đáp.**
- **Các công văn liên quan đến chính sách thuế.**

QUY ĐỊNH VỀ KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- **Thủ tục gia hạn nộp thuế GTGT, TNCN, TTDB năm 2023.**
- **Thuế tối thiểu toàn cầu vì sao doanh nghiệp phải biết?**
- **Biện pháp giảm số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN**
- **04 điểm mới Nghị định 08/2023/NĐ-CP về trái phiếu doanh nghiệp**

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- **Thông tư số: 02/2023/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y tế.**
- **Thông tư số: 12/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính.**
- **Nghị định số: 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ.**
- **Nghị định số: 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ.**

NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. HỎI ĐÁP

Hỏi:

Ngày 22/12/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 74/2022/TT-BTC quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính. Theo đó, người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí bằng 01 trong 04 hình thức sau: Thứ nhất, nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt; Thứ hai, nộp phí, lệ phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng; Thứ ba, nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách Nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước; Thứ tư, nộp phí, lệ phí qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với tổ chức thu phí, lệ phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Ngoài ra, tổ chức thu phí nộp toàn bộ tiền phí thu được (bao gồm cả tiền phí thu qua tài khoản chuyên thu phí) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước theo quy định tại các Thông tư thu phí của Bộ Tài chính. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo tháng theo quy định của pháp luật quản lý thuế. Cho tôi hỏi, Thông tư 74 không quy định hạn cho cơ quan thu PLP phải nộp toàn bộ số tiền PLP thu được trong tháng về TK chờ thu của KBNN (các thông tư liên quan quy định trước ngày 5 hàng tháng phải nộp toàn bộ số tiền PLP thu được của tháng trước vào TK chờ thu của KBNN, Thông tư 74 đã bãi bỏ các nội dung quy định này), vậy số tiền thu PLP trong ngày cuối cùng của tháng, ví dụ có hoạt động thu PLP vào 16g30 của ngày cuối tháng, thì đơn vị làm sao có thể thực hiện các thủ tục nộp tiền mặt vào Ngân hàng ủy nhiệm thu của KBNN trong cùng ngày được? Sau khi thu còn phải làm hoạt động tổng hợp số thu, lập phiếu thu, sau đó đề xuất số phải nộp vào TK KBNN và lập phiếu chi đề xuất quỹ cho thủ quỹ nộp vào NHTM được ạ? Rất mong nhận được sự hỗ trợ giải đáp, hướng dẫn của BTC, xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại Điều 44 và Điều 55 Luật Quản lý thuế quy định thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và thời hạn nộp thuế:

“Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

1. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai theo tháng, theo quý được quy định như sau:

a) Chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo tháng...

Điều 55. Thời hạn nộp thuế

1. Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế...”.

- Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính quy định: “2. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ tiền phí thu được (bao gồm cả tiền phí thu qua tài khoản chuyên thu phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước theo quy định tại các Thông tư thu phí của Bộ Tài chính. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được (bao gồm cả tiền lệ phí thu qua tài khoản chuyên thu lệ phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) vào ngân sách nhà nước theo tháng theo quy định của pháp luật quản lý thuế”.

Căn cứ quy định nêu trên, tổ chức thu phí nộp tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước theo các Thông tư quy định thu phí hiện hành của Bộ Tài chính (thường quy định chậm nhất ngày 05 tháng sau); như vậy, quy định về nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại Kho bạc Nhà nước là giữ quy định như hiện hành, không bãi bỏ quy định về thời hạn tổ chức thu phí nộp tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu lệ phí khai, nộp lệ phí thu được theo tháng (chậm nhất ngày 20 tháng sau).

Như vậy, tổ chức thu phí, lệ phí có đủ thời gian để tổng hợp số phí, lệ phí thu được của tháng trước để nộp vào Kho bạc Nhà nước./.

Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính Căn cứ theo hướng dẫn tại khoản 3, điều 10, Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập Tôi xin có câu hỏi như sau: Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà nước đảm bảo 100% kinh phí chi thường xuyên, đơn vị không có thu, thuộc đơn vị nhóm 4. Trong năm tài chính đơn vị có chi trước đối với các hoạt động

phúc lợi, chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân. Hỏi các khoản chi này có phải là thu nhập tăng thêm của người lao động trong năm hay không. Rất mong nhận được sự giải đáp của Bộ Tài chính. Xin trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Việc phân phối kết quả tài chính trong năm của đơn vị sự nghiệp công nhóm 4 được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

“3. Đối với đơn vị nhóm 4:

a) Về tạm chi thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi và chi khen thưởng

Căn cứ dự toán thu, chi của năm; kết quả hoạt động tài chính quý trước (trong trường hợp quý đầu tiên của năm kế hoạch, đơn vị căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính của quý IV năm trước liền kề), trường hợp xét thấy đơn vị có khả năng tiết kiệm được kinh phí; thủ trưởng đơn vị quyết định:

- Tạm chi trước thu nhập tăng thêm cho người lao động theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; mức tạm chi hàng quý của đơn vị tối đa không quá 20% quỹ tiền lương một quý của đơn vị;
- Tạm chi trước đối với các hoạt động phúc lợi, chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân;

Kết thúc năm ngân sách, trước ngày 31 tháng 01 năm sau, đơn vị tự xác định số kinh phí tiết kiệm được:

- Trường hợp đơn vị đã tạm chi vượt quá số kinh phí tiết kiệm được theo quy định thì phải giảm trừ vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập của đơn vị (nếu có) hoặc giảm trừ vào số tiết kiệm của năm sau hoặc trừ vào Quỹ tiền lương năm sau của đơn vị (nếu đơn vị không có số tiết kiệm của năm sau);
- Trường hợp đơn vị đã tạm chi thấp hơn số kinh phí tiết kiệm được trong năm, đơn vị được tiếp tục chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động, chi khen thưởng, chi phúc lợi hoặc để trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập cho người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

Sau khi quyết toán năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số kinh phí thực tiết kiệm cao hơn số đơn vị tự xác định, đơn vị được tiếp tục chi trả thu nhập tăng thêm hoặc chi các hoạt động phúc lợi, chi khen thưởng theo chế độ quy định. Trường hợp số kinh phí tiết kiệm thấp hơn số đơn vị tự xác định, căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền và đề nghị của đơn vị, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi bằng cách trừ vào kinh phí tiết kiệm năm tiếp theo của đơn vị;”

Hỏi:

Công ty chúng tôi thực hiện mua tài sản là Sàn cho thuê văn phòng có chứng nhận quyền sử dụng đất. Chúng tôi thực hiện lắp đặt hệ thống điện trong tài sản, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống điều hòa âm trần. Theo thông tư 200 Căn cứ điểm c khoản 1 điều 35 thông tư 200/2014/TT-BTC quy định: "Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thỏa mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập." - Vậy Chúng tôi thực hiện ghi nhận các hạng mục kèm theo này như thế nào. Ghi nhận hệ thống phòng cháy chữa cháy này vào giá trị sàn bất động sản và thực hiện trích khấu hao cùng thời gian tòa nhà hay hạch toán riêng và tính thời gian khấu hao theo thông tư 45/2013. - Ghi nhận hệ thống điều hòa âm trần này vào giá trị sàn bất động sản và thực hiện trích khấu hao cùng thời gian tòa nhà hay hạch toán riêng và tính thời gian khấu hao theo thông tư 45/2013. - Ghi nhận hệ thống điện này vào giá trị sàn bất động sản và thực hiện trích khấu hao cùng thời gian tòa nhà hay hạch toán riêng, và tính thời gian khấu hao theo thông tư 45/2013. Vậy tôi kính mong được hướng dẫn ghi nhận phù hợp nhất

Trả lời:

Tại Đoạn 27 Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình quy định:

“Trường hợp một số bộ phận của TSCĐ hữu hình đòi hỏi phải được thay thế thường xuyên, được hạch toán là các TSCĐ độc lập nếu các bộ phận đó thỏa mãn đủ bốn (4) tiêu chuẩn quy định cho TSCĐ hữu hình. Ví dụ máy điều hòa nhiệt độ trong một ngôi nhà có thể phải thay thế nhiều lần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của ngôi nhà đó thì các khoản chi phí phát sinh trong việc thay thế hay khôi phục máy điều hòa được hạch toán thành một tài sản độc lập và giá trị máy điều hòa khi được thay thế sẽ được ghi giảm.”

Tại Đoạn 29 Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình quy định:

“Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.”

Tại điểm c khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC quy định:

“Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.”

Như vậy, trường hợp doanh nghiệp có các hệ thống lắp đặt trong văn phòng như hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống điều hòa... có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Hỏi:

Kính gửi bộ Tài chính, bên tôi là đơn vị sự nghiệp loại 2 (tự chủ chi thường xuyên), theo điều 35 nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 Căn cứ phương án tự chủ tài chính do các đơn vị sự nghiệp công đề xuất (không bao gồm phương án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tại điểm a khoản 2 Điều này), cơ quan quản lý cấp trên xem xét, thẩm tra dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí được để lại chi; kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp tại thời điểm thẩm định phương án tự chủ tài chính xác định được kinh phí đặt hàng cho đơn vị); dự kiến phân loại các đơn vị trực thuộc theo mức độ tự chủ tài chính, tổng hợp phương án phân loại và dự toán thu, chi của các đơn vị sự nghiệp công, có văn bản gửi cơ quan tài chính cùng cấp (Bộ Tài chính, cơ quan tài chính ở địa phương theo phân cấp) xem xét, có ý kiến. Nhưng theo điều 12 thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 đơn vị sự nghiệp công lập dự toán theo quy định tại khoản 1 điều này, gửi cơ quan quản lý cấp trên để xem xét thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước. Vậy tôi xin hỏi từ năm thứ 2 trở đi của thời kỳ ổn định 5 năm đơn vị tôi có phải trình dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt không? hay đơn vị tự duyệt dự toán ? tôi xin chân trọng cảm ơn, kính mong quý cơ quan giải đáp thắc mắc sớm để đơn vị có căn cứ thực hiện

Trả lời:

Việc lập dự toán của đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Điều 12 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

“1. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dự toán thu, chi ngân sách và cung cấp hoạt động dịch vụ thuộc phạm vi, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và Điều 32 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP”

“2. Đơn vị sự nghiệp công lập dự toán theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi cơ quan quản lý cấp trên để xem xét, thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”

Căn cứ quy định trên, việc lập dự toán của đơn vị sự nghiệp công lập phải được thực hiện hàng năm, gửi cơ quan quản lý cấp trên để xem xét, thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính. Công ty chúng tôi đang tạm ngưng kinh doanh và được Phòng đăng ký kinh doanh Hồ Chí Minh cấp giấy xác nhận v/v đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ 01/01/2022 đến 31/12/2022. Theo điều 16 nghị định 123 thì công ty chúng tôi ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian này. Vậy công ty chúng tôi có bắt buộc phải làm hồ sơ hủy các hóa đơn giấy còn tồn kể từ ngày 30/6/2022 hay không. Rất mong nhận được hướng dẫn từ quý Bộ.

Trả lời:

Về vấn đề này, Chi cục Thuế Quận Tân Bình có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

“Điều 60. Xử lý chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế hoặc đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, đã mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày Nghị định này được ban hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đang sử dụng kể từ ngày Nghị định này được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 và thực hiện các thủ tục về hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ....”

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài Chính hướng.

“Điều 29. Hủy hóa đơn

2. Các trường hợp hủy hóa đơn

... b) Tổ chức, hộ, cá nhân có hóa đơn không tiếp tục sử dụng phải thực hiện hủy hóa đơn. Thời hạn hủy hóa đơn chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo với cơ quan thuế. Trường hợp cơ quan thuế đã thông báo hóa đơn hết giá trị sử dụng (trừ trường hợp thông báo do thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế), tổ chức, hộ, cá nhân phải hủy hóa đơn, thời hạn hủy hóa đơn chậm nhất là mười (10) ngày kể từ ngày cơ quan thuế thông báo hết giá trị sử dụng hoặc từ ngày tìm lại được hóa đơn đã mất....

3. Hủy hóa đơn của tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh

a) Tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh phải lập Bảng kiểm kê hóa đơn cần hủy.

b) Tổ chức kinh doanh phải thành lập Hội đồng hủy hóa đơn. Hội đồng hủy hóa đơn phải có đại diện lãnh đạo, đại diện bộ phận kế toán của tổ chức.

Hộ, cá nhân kinh doanh không phải thành lập Hội đồng khi hủy hóa đơn.

c) Các thành viên Hội đồng hủy hóa đơn phải ký vào biên bản hủy hóa đơn và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai sót.

d) Hồ sơ hủy hóa đơn gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng hủy hóa đơn, trừ trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh;

- Bảng kiểm kê hóa đơn cần hủy ghi chi tiết: tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số lượng hóa đơn hủy (từ số... đến số... hoặc kê chi tiết từng số hóa đơn nếu số hóa đơn cần hủy không liên tục);

- Biên bản hủy hóa đơn;

- Thông báo kết quả hủy hóa đơn phải có nội dung: loại, ký hiệu, số lượng hóa đơn hủy từ số... đến số, lý do hủy, ngày giờ hủy, phương pháp hủy (mẫu số 3.11 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này).

Hồ sơ hủy hóa đơn được lưu tại tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn. Riêng Thông báo kết quả hủy hóa đơn được lập thành hai (02) bản, một bản lưu, một bản gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ ngày thực hiện hủy hóa đơn.”

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, kể từ ngày 01/7/2022, người nộp thuế không được tiếp tục sử dụng đối với hóa đơn đã thông báo phát hành theo các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ, người nộp thuế phải thực hiện hủy hóa đơn theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên.

Chi cục Thuế Q.Tân Bình thông báo Bà Hương Giang được biết để tham khảo thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính. Công ty chúng tôi đang thực hiện chương trình quay số trúng thưởng (Chương trình đã được đăng ký với Bộ Công Thương). Kính mong Quý Bộ hướng dẫn Công ty chúng tôi một số vướng mắc như sau: Đối tượng tham gia chương trình quay số trúng thưởng của Cty chúng tôi là khách hàng mua hàng trực tiếp từ Cty (gọi chung là khách hàng A) và khách hàng mua hàng từ Cty A (khi mua hàng sẽ nhận được hóa đơn do Cty xuất bán) - gọi chung là khách hàng B. Hỏi: Vậy 1. Trường hợp khi quay số, Khách hàng B (không mua hàng trực tiếp từ Cty chúng tôi) trúng thưởng thì Công ty chúng tôi phải xuất hóa đơn hàng trúng thưởng cho Cty B hay Cty A (là nơi phân phối hàng cho Cty B). 2. Trường hợp khách hàng B là **HỘ KINH DOANH** trúng thưởng thì Cty chúng tôi có phải khấu trừ nộp thuế thay hay không? 3. Giải thưởng của chương trình quay số là Xe ô tô, xe máy. Các chi phí khi Công ty chúng tôi mua xe bao gồm: giá mua, thuế giá trị gia tăng, lệ phí trước bạ, bảo hiểm xe.... Vậy khi Công ty chúng tôi khấu trừ thuế TNCN của khách hàng trúng thưởng thì Thu nhập tính thuế được tính như thế nào? Kính mong Quý Bộ hướng dẫn để Công ty chúng tôi được thực hiện đúng theo quy định. Xin chân thành cảm ơn Quý Bộ

Trả lời:

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020)

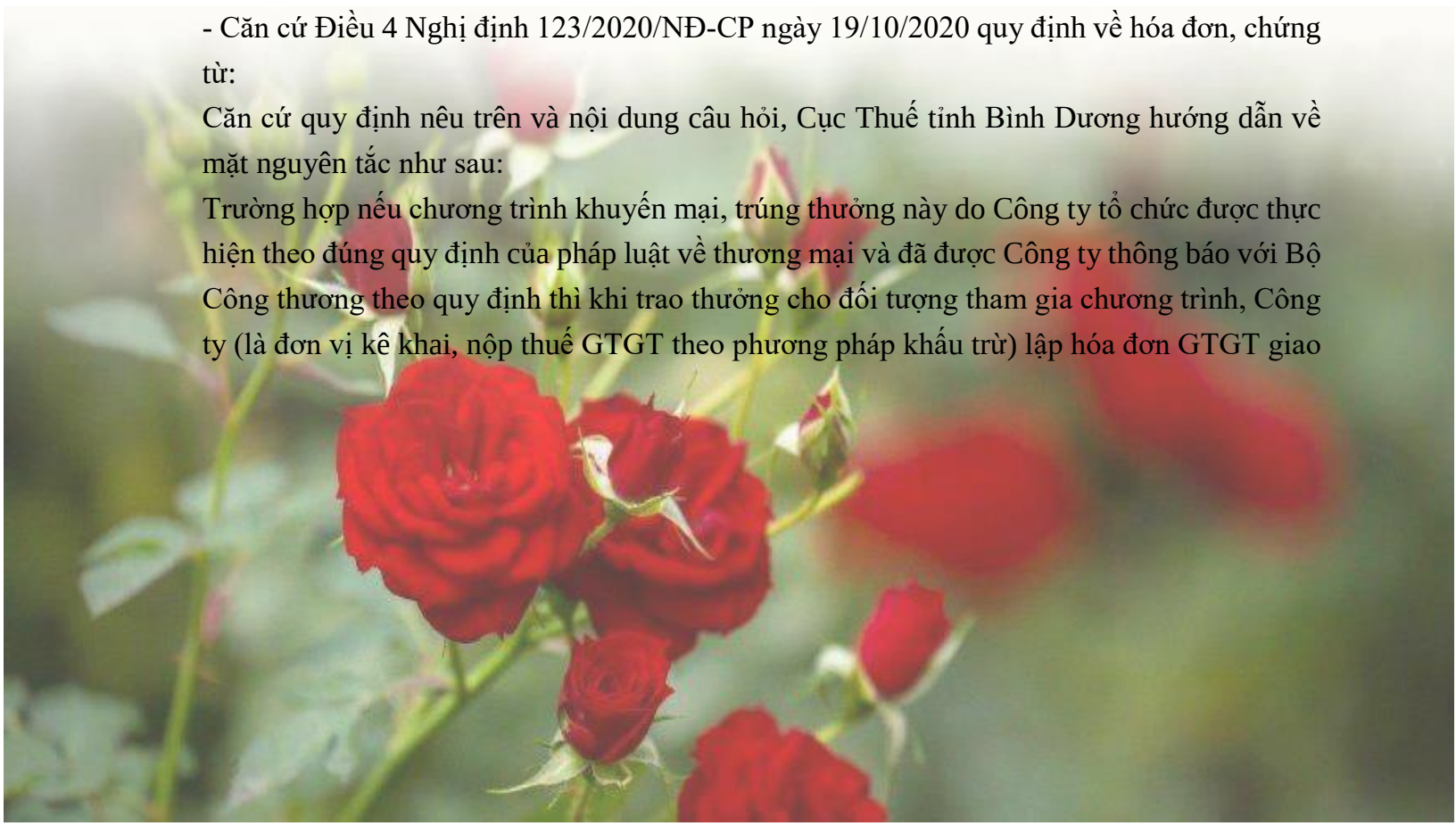
+ Tại khoản 2 Điều 42 quy định nguyên tắc khai thuế, tính thuế:

“Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.”;

- Căn cứ Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ:

Căn cứ quy định nêu trên và nội dung câu hỏi, Cục Thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp nếu chương trình khuyến mại, trúng thưởng này do Công ty tổ chức được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thương mại và đã được Công ty thông báo với Bộ Công thương theo quy định thì khi trao thưởng cho đối tượng tham gia chương trình, Công ty (là đơn vị kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) lập hóa đơn GTGT giao



cho khách hàng trúng thưởng. Khách hàng mua hàng trúng thưởng của đơn vị nào thì đơn vị đó xuất hóa đơn theo đúng quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP nêu trên.

Trường hợp Công ty chi trả các khoản thưởng cho khách hàng là các hộ kinh doanh thì Công ty có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho đối tượng trên theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 40/2021/TT-BTC.

Khoản chi phí mua hàng hóa để trao thưởng cho khách hàng của Công ty Độc giả nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Theo nghị định 15/2022/NĐ-CP thuế suất thuế GTGT một số mặt hàng giảm 2% từ 01/02/2022 đến 31/12/2022; sang ngày 01/01/2023 thuế suất không còn giảm sẽ trở về 10%; Công Ty chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng lắp đặt xin được hỏi: 1/Hồ sơ khối lượng nghiệm thu được chủ đầu tư ký duyệt năm 2022 nhưng qua năm 2023 mới lên bảng giá trị quyết toán thì VAT áp dụng là 10% hay 8% ? 2/Công trình thi công và Quyết toán được lập trong thời gian được giảm thuế GTGT (theo ND 15/2022/NĐ-CP) có ghi VAT là 8%, nhưng qua năm 2023 mới được chủ đầu tư ký duyệt, vậy năm 2023 khi phát hành hóa đơn GTGT chúng tôi vẫn ghi VAT 8% theo giá trị quyết toán đã lập có được Tổng Cục Thuế chấp nhận không? 3/Hóa đơn điện tử phát hành tính theo ngày cấp mã của cơ quan thuế, nếu qua sau ngày 31/12/2022 chúng tôi mới nhận được hồ sơ quyết toán được duyệt của cuối năm 2022 có ghi VAT là 8% vậy chúng tôi có được Tổng Cục Thuế cho phép phát hành hoá đơn VAT 8% trong năm 2023 không? Rất mong giải đáp thắc mắc từ Quý cơ quan. Trân trọng

Trả lời:

- Căn cứ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn giảm thuế quy định giảm thuế giá trị gia tăng.

+ Tại Điều 1 quy định giảm thuế giá trị gia tăng:

“Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng

1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

...

2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này....”

+ Tại Điều 3 quy định hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Điều 1 Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022...”

- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.

- Căn cứ Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

“Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế và có tình tiết giảm nhẹ;...

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều này;...”

Căn cứ quy định nêu trên, theo nội dung trình bày tại văn bản, Cục Thuế trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp, Công ty ký hợp đồng xây dựng, lắp đặt thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp Công ty lập hóa đơn GTGT sau ngày 31/12/2022 thì không được áp dụng chính sách giảm thuế GTGT theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

Trường hợp Công ty lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật thì áp dụng xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Hỏi:

Kính gửi : Bộ Tài Chính. Chúng tôi có một số vướng mắc chưa rõ mong bộ tài chính giải đáp giúp. Nội dung câu hỏi như sau: Công ty tôi có mua lại 01 chiếc ô tô con của cá

nhân(không kinh doanh) để phục vụ cho bộ phận văn phòng và vì cá nhân không kinh doanh nên cơ quan thuế không bán hóa đơn lẻ để cá nhân xuất hóa đơn bán xe ô tô cho Công ty. Công ty đã làm thủ tục sang tên xe ô tô từ cá nhân sang công ty và lên cơ quan thuế đóng lệ phí trước bạ. Giá trị của chiếc ô tô được cơ quan thuế xác định để đóng lệ phí trước bạ là 594.300.000đ, tương ứng lệ phí trước bạ 2% là 11.886.000đ. Vậy cho tôi hỏi giá trị của xe đã được cơ quan thuế xác định để đóng lệ phí trước bạ đó có được xác định là giá trị TSCĐ của chiếc xe ô tô để đưa vào Nguyên giá TSCĐ của Công ty và có được khấu hao tài sản cố định không? Rất mong nhận được phản hồi từ Bộ tài chính. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Cục Thuế tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

- Cách xác định nguyên giá xe ô tô (Tài sản cố định hữu hình) quy định tại Điều 4 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

“Điều 4. Xác định nguyên giá của tài sản cố định:

1. Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình:

a) TSCĐ hữu hình mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác...”

- Nguyên tắc trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Điều 9 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Đề nghị độc giả căn cứ tình hình thực tế và đối chiếu các quy định nêu trên để thực hiện việc tính và khấu hao đối với từng tài sản cố định của công ty.

Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Tôi công tác tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Ban Quản lý dự án được giao điều hành dự án công trình xây dựng trụ sở hành chính xã Tân Thành. Trong dự án này có gói thầu mua sắm thiết bị. Quá trình lập dự toán thiết bị, số lượng danh mục thiết bị và đơn giá lập đúng theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở số lượng và giá nêu trên, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tiến hành thẩm định giá, lập dự toán, trình thẩm định phê duyệt làm cơ sở để triển khai thực hiện mời thầu qua mạng (E-HSMT).

Khi nhà thầu tham gia dự thầu (E-HSDT), nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá và các tiêu chí khác trong hồ sơ mời thầu, nên được mời vào thương thảo hợp đồng và trình thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định và tiến hành ký kết hợp đồng.

Trong đơn giá dự thầu, nhà thầu chào giá từng loại thiết bị không theo đơn giá của Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, có loại thiết bị đơn giá cao hơn, có loại thiết bị đơn giá chào thấp hơn so với Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017. Nhưng tổng giá gói thầu nhà thầu chào thì đáp ứng.

Khi gửi hồ sơ thanh toán tạm ứng qua Kho bạc Nhà nước thì đơn vị này không chấp nhận thanh toán và cho rằng có nhiều loại thiết bị chào giá vượt so với Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Cho tôi hỏi, hồ sơ thanh toán theo đơn giá nhà thầu chào như trên có hợp lệ hay không? Việc Kho bạc Nhà nước có được quyền kiểm soát giá nhà thầu chào hay không? Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn.

Trả lời:

Căn cứ quy định Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, theo đó quy định Kho bạc Nhà nước kiểm tra, kiểm soát đối chiếu đảm bảo nội dung:

- Tại Tiết đ, Khoản 1, Điều 6, Chương II: Đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức (mức chi) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định

+ Tại Tiết g, Khoản 1, Điều 6, Chương II: “Đối với các khoản chi phải gửi Hợp đồng đến KBNN, KBNN căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của đơn vị sử dụng ngân sách, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, điều kiện thanh toán, tạm ứng, tài khoản thanh toán, và giá trị từng lần thanh toán, để tạm ứng, thanh toán cho đối tượng thụ hưởng”.

- Tại Gạch đầu dòng thứ nhất, Tiết b, Khoản 2, Điều 6, Chương II quy định đối với chi mua sắm máy móc, thiết bị:

“Đối với chi mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến: KBNN kiểm soát đảm bảo không vượt Dự toán chi tiết và đơn giá tối đa quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg); đối với trường hợp được điều chỉnh giá phải đảm bảo theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg.

Đối với việc mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị: KBNN kiểm soát đảm bảo không vượt Dự toán chi tiết và mức giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng: KBNN kiểm soát đảm bảo có trong danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại) quy định tại Văn bản ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cấp có thẩm quyền ban hành (thẩm quyền ban hành theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg) và đảm bảo không vượt Dự toán chi tiết và mức giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Như vậy, từ các quy định nêu trên, việc KBNN Cà Mau căn cứ hợp đồng, các chứng từ liên quan do đơn vị gửi đến để kiểm soát thanh toán là phù hợp với quy định tại Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự toán chi tiết và đơn giá từng loại thiết bị, máy móc được cấp có thẩm quyền phê duyệt được quy định trong hợp đồng phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức quy định chi tiết tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các Phụ lục đính kèm.

Hỏi:

Tôi là người lao động làm việc tại Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát – 02 Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú TP Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi. Xin hỏi quý Bộ nội dung sau: Theo Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể của Công ty tôi cứ mỗi năm tôi được nghỉ phép một lần để về quê thăm thân nhân của tôi (Bố, mẹ, vợ, chồng, con ...) và được Công ty mua vé tàu, xe (khứ hồi) vậy khoản thu nhập nhập này tôi có phải tính thuế thu nhập cá nhân không?. Xin Quý bộ trả lời sớm cho tôi rõ. Chân thành cảm ơn.

Trả lời:

Tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công như sau:

“Điều 2. Các khoản thu nhập chịu thuế

2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

...

đ.4) Phần khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... cao hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước. Mức khoán chi không tính vào thu nhập chịu thuế đối với một số trường hợp như sau:

đ.4.1) Đối với cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, Hội, Hiệp hội: mức khoán chi áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ.4.2) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp....

đ.7) Các khoản lợi ích khác.

Các khoản lợi ích khác mà người sử dụng lao động chi cho người lao động như: chi trong các ngày nghỉ, lễ; thuê các dịch vụ tư vấn, thuê khai thuế cho đích danh một hoặc một nhóm cá nhân; chi cho người giúp việc gia đình như lái xe, người nấu ăn, người làm các công việc khác trong gia đình theo hợp đồng ...

g) Không tính vào thu nhập chịu thuế đối với các khoản sau:

g.1) Khoản hỗ trợ của người sử dụng lao động cho việc khám chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân của người lao động .

g.1.1) Thân nhân của người lao động trong trường hợp này bao gồm: con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú, con riêng của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; cha đẻ, mẹ đẻ; cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng); cha dượng, mẹ kế; cha nuôi, mẹ nuôi hợp pháp”.

Căn cứ các quy định nêu trên và nội dung hỏi của Bà Ngô Thị Quỳnh Mai, Cục Thuế hướng dẫn về nguyên tắc như sau:

Trường hợp người lao động được hưởng dưới mọi hình thức các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả (trừ các khoản không tính vào thu nhập chịu thuế quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC) thì thuộc thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

2. CÁC CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ.

Công văn số: 3469/CTHN-TTHT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế TNCN đối với quà tặng và thưởng cho nhân viên.

Ngày 30/12/2022, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 206/2022/OM-CV của Công ty Cổ phần One Mount Group (sau đây gọi tắt là Công ty) vướng mắc về thuế TNCN đối với quà tặng và thưởng cho nhân viên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động phù hợp với công việc chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động đối với khoản chi hỗ trợ đào tạo này.

Trường hợp Công ty tổ chức các cuộc thi cho CBNV và người thân CBNV nếu phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà cá nhân trúng giải thưởng nhận được thì Công ty thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết g khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC nêu trên.

Trường hợp Công ty chi cho CBNV các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết b khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC

Trường hợp cá nhân người lao động được Công ty tặng quà bằng hiện vật là “Quà tặng bằng thẻ mua hàng (voucher, giftcard) hoặc hiện vật (giỏ quà bánh kẹo, cốc, áo,...” nếu việc tặng quà này không mang tính chất tiền lương, tiền công và không thuộc các khoản quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì các cá nhân nhận quà tặng nêu trên không phải kê khai, nộp thuế TNCN đối với quà tặng này.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn chính sách thuế của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra kiểm tra số 9 để được hỗ trợ giải quyết.

Công văn số: 4030/CTHN-TTHT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài.

Trả lời công văn số 12/CV-TT/2023 ngày 18/1/2023 của Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Thái Tân (sau đây gọi là: Công ty) hỏi về chính sách thuế liên quan đến thuế nhà thầu, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Căn cứ quy định trên, trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã thực hiện đăng ký thuế, khai thuế và nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư 80/2021/TT-BTC thì Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Thái Tân (công ty mua dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài) không phải thực hiện khấu trừ và kê khai nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC .

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân được biết và thực hiện.

Công văn số: 4417/CTHN-TTHT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế GTGT đối với hoạt động truyền dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được Công văn số 84/VTC NETVIET ngày 19/12/2022 của Công ty CP Công Nghệ Và Truyền Thông VTC NetViet đề nghị giải đáp về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động truyền dẫn. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ. Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty có hoạt động truyền dẫn, phát sóng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì hoạt động này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 14 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Các hoạt động truyền dẫn, phát sóng không bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trường hợp Công ty có hoạt động thuê đường truyền dẫn và băng tần vệ tinh của nước ngoài theo quy định của pháp luật thì thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Công ty CP Công Nghệ Và Truyền Thông VTC NetViet căn cứ tình hình thực tế để áp dụng mức thuế suất thuế GTGT theo quy định tại Điều 4, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và đối chiếu với các quy định của pháp luật để thực hiện.

Công văn số: 4423/CTHN-TTHT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc nghĩa vụ thuế GTGT khi thực hiện dự án tại nước ngoài.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 23.01/2023/CV-CK không đề ngày của Công ty TNHH CK Engineering Việt Nam vướng mắc về xác định nghĩa vụ thuế GTGT khi thực hiện dự án tại nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế GTGT.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty có hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài cho tổ chức nước ngoài (không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0%.

Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí. Công ty tại Việt Nam phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật Hợp đồng đầu ra giữa Công ty ký với khách hàng nước ngoài thuộc trường hợp xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế, đối chiếu với các quy định của pháp luật được trích dẫn nêu trên để thực hiện đúng theo quy định.

Công văn số: 4984/CTHN-TTHT ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Trả lời công văn số 01/Elentec đề ngày 19/12/2022 của Công ty TNHH Elentec Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 5 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015).
- Căn cứ Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/06/2021 của Chính phủ.
- Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.
- Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ.
- Căn cứ Thông tư số 21/2016/TT-BTC ngày 05/02/2016 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

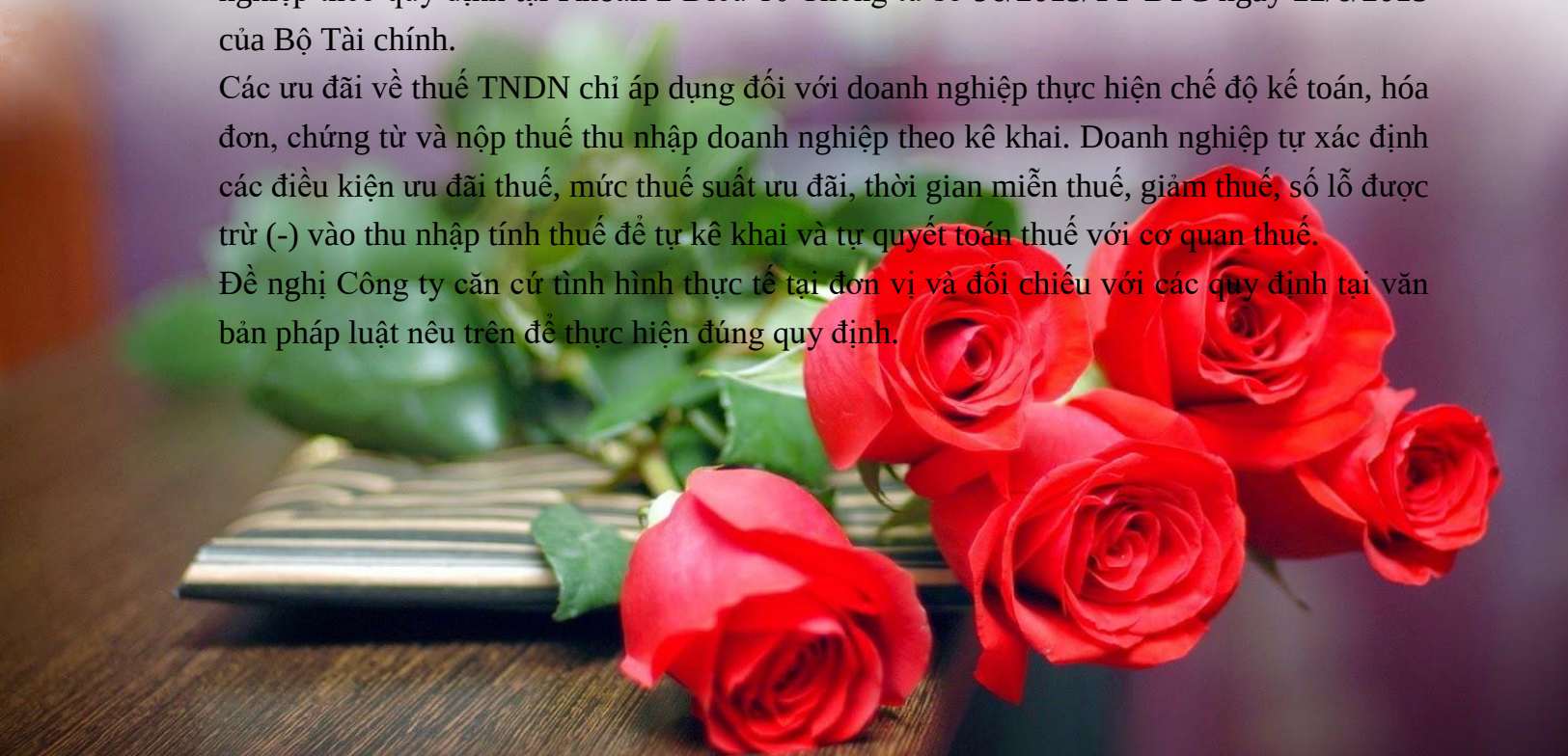
Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện trước ngày 01/01/2015 đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13, dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ năm 2022, đã hưởng hết ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế TNDN được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/06/2021 của Chính phủ nêu trên. Cách xác định thời gian ưu đãi còn lại thực hiện theo hướng dẫn tại tiết g4 Điều 1 Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/06/2021 của Chính phủ.

Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì được áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với các khoản thu nhập từ lĩnh vực ưu đãi đầu tư và các khoản thu nhập như thanh lý phế liệu, phế phẩm của sản phẩm thuộc lĩnh vực được ưu đãi đầu tư, chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của lĩnh vực được ưu đãi, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản thu nhập có liên quan trực tiếp khác cũng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Các ưu đãi về thuế TNDN chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai. Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.



Công văn số: 6096/CTHN-TTHT ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế TNDN khoản lãi dự thu.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 169/CV-VBIS ngày 06/02/2023 của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty) vướng mắc về thuế TNDN khoản lãi dự thu, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Căn cứ quy định nêu trên, pháp luật thuế TNDN không quy định việc xác định khoản thu nhập dự kiến thu được nhưng chưa thực tế phát sinh được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế. Trường hợp Tổng công ty thực tế phát sinh khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng thì khoản thu nhập này được tính vào thu nhập chịu thuế của kỳ tính thuế thực tế phát sinh thu nhập theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính) nêu trên.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được biết và thực hiện./.

Công văn số: 6097/CTHN-TTHT ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc quyết toán thuế TNCN.

Ngày 17/01/2023, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 02/2023/CV-SAHN ngày 12/01/2023 của Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) vướng mắc về quyết toán thuế TNCN. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế:

- Căn cứ Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam chi trả các khoản thu nhập từ tiền lương tiền công cho người lao động tại các chi nhánh tại Đà Nẵng, Hồ Chí Minh thuộc trường hợp phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 19 Thông tư 80/2021/TT-BTC và đã nộp số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công vào ngân sách nhà nước cho từng tỉnh nơi người lao động làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư 80/2021/TT-BTC thì số thuế thu nhập cá nhân xác định cho từng tỉnh theo tháng hoặc quý tương ứng với kỳ khai thuế

thu nhập cá nhân và không xác định lại khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Thông tư 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp cá nhân tự thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế nếu đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức trả thu nhập đó theo quy định tại điểm b2 khoản 8 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Trường hợp người lao động nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi chi trả thu nhập cho người lao động theo hướng dẫn tại Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trả từ nước ngoài thì cá nhân nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế quản lý nơi cá nhân phát sinh công việc tại Việt Nam. Trường hợp nơi phát sinh công việc của cá nhân không ở tại Việt Nam thì cá nhân nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú theo quy định tại điểm a.2 khoản 8 Điều 11 Nghị định 126/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo để Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam được biết và thực hiện./.

Công văn số: 6667/CTHN-TTHT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế Hà Nội về việc ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Trả lời công văn số MKTC-FN-230101 đề ngày 06/01/2023 của Công ty TNHH Điện tử Meiko Thăng Long (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

* Về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư thực hiện tại Khu công nghiệp:

- Căn cứ Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ như sau:

* Về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

- Căn cứ Khoản 5 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015).

- Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ.

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

* Về chuyển tiếp ưu đãi đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2015:

- Căn cứ Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/06/2021 của Chính phủ bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty có dự án đầu tư đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện trước ngày 01/01/2015 đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13, thu nhập từ dự án đã hưởng hết ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ), đến năm 2022 dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì thu nhập từ dự án được áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế TNDN được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/06/2021 của Chính phủ nêu trên.

Về cách xác định thời gian ưu đãi còn lại thực hiện theo hướng dẫn tại tiết g4 Điều 1 Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/06/2021 của Chính phủ.

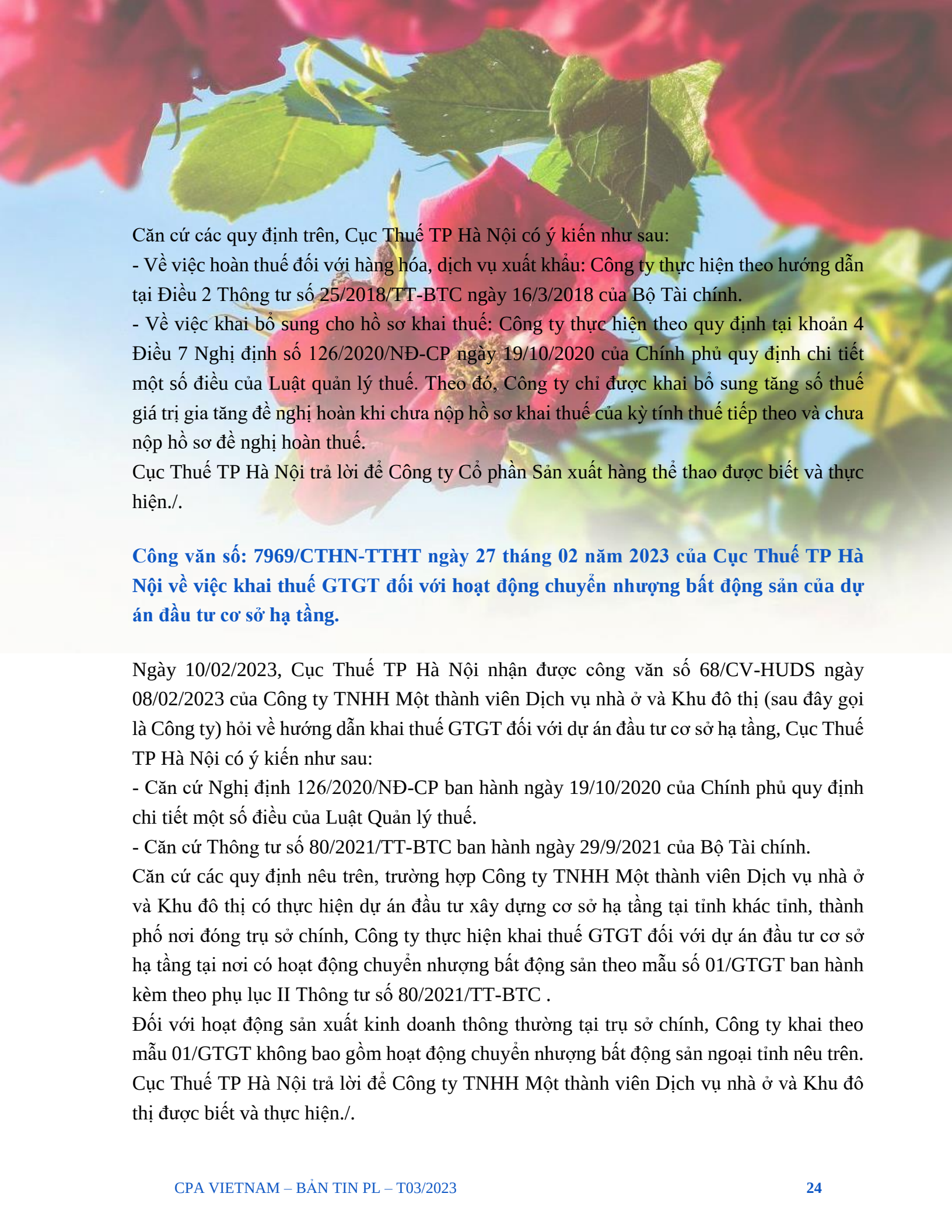
Các ưu đãi về thuế TNDN chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai. Công ty tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Điện tử Meiko Thăng Long biết và thực hiện./.

Công văn số: 7462/CTHN-TTHT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế GTGT đối với hàng xuất nhập khẩu tại chỗ.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được Công văn số 7/2023-TANDE.JSC/CV ghi ngày 16/01/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất hàng thể thao (sau đây gọi tắt là Công ty) vướng mắc về việc chính sách thuế GTGT đối với hàng xuất nhập khẩu tại chỗ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.
- Căn cứ khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.



Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Về việc hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu: Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.
- Về việc khai bổ sung cho hồ sơ khai thuế: Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế. Theo đó, Công ty chỉ được khai bổ sung tăng số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty Cổ phần Sản xuất hàng thủ thêu được biết và thực hiện./.

Công văn số: 7969/CTHN-TTHT ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc khai thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

Ngày 10/02/2023, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 68/CV-HUDS ngày 08/02/2023 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị (sau đây gọi là Công ty) hỏi về hướng dẫn khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định 126/2020/NĐ-CP ban hành ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ban hành ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị có thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại tỉnh khác tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, Công ty thực hiện khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC .

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường tại trụ sở chính, Công ty khai theo mẫu 01/GTGT không bao gồm hoạt động chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh nêu trên. Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị được biết và thực hiện./.

Công văn số: 8203/CTHN-TTHT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế nhà thầu nước ngoài.

Trả lời công văn số 14022023-01/CV/PIXELZ của Công ty TNHH PIXELZ (gọi tắt là Công ty) về việc hướng dẫn nghĩa vụ của doanh nghiệp Việt Nam mua dịch vụ của các nhà thầu nước ngoài đã được cấp mã số thuế nhà thầu. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

- Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Thuế.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty TNHH PIXELZ mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp ở nước ngoài mà nhà cung cấp ở nước ngoài đã thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì Công ty không phải có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài số thuế phải nộp theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Công ty căn cứ vào quy định pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế để thực hiện.

Công văn số: 8204/CTHN-TTHT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế TNCN cho người nước ngoài.

Ngày 08/02/2023, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 03/CV-FPTVN ngày 06/02/2023 của Tổ chức VIER PFOTEN International (sau đây gọi tắt là Công ty) vướng mắc về chính sách thuế TNCN cho người nước ngoài. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

- Căn cứ Điều 1 Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định các loại thuế, khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước khai theo quý.

Căn cứ những quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Tổ chức VIER PFOTEN International có người lao động là người nước ngoài không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC thì được xác định là cá nhân không cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài thuộc trường hợp phải kê khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại tiết a.2), điểm a, khoản 3 Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Căn cứ tính thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và kỳ khai thuế TNCN được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Tổ chức VIER PFOTEN International được biết và thực hiện./

QUY ĐỊNH VỀ KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ

Thủ tục gia hạn nộp thuế GTGT, TNCN, TTĐB năm 2023.

Bộ Tài chính ban hành Quyết định 115/QĐ-BTC ngày 06/02/2023 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Theo đó, thủ tục gia hạn nộp thuế GTGT, TNCN, TTĐB năm 2023 quy định như sau:

1. Điều kiện gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

2. Hồ sơ gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Thành phần, số lượng hồ sơ gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023:

Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC.

- Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế phải có thêm các tài liệu sau:

+ Trường hợp do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ quy định tại điểm a khoản 27 Điều 3 Luật Quản lý thuế, phải có:

(1) Tài liệu xác nhận về thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(2) Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

(3) Văn bản (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có);

(4) Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại (nếu có).

+ Trường hợp bất khả kháng khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, phải có:

(1) Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

(2) Tài liệu xác định về thời gian, địa điểm xảy ra bất khả kháng của cơ quan có thẩm quyền;

(3) Tài liệu chứng minh người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp do chiến tranh, bạo loạn, đình công mà người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(4) Tài liệu chứng minh việc gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế và người nộp thuế không có khả năng nguồn tài chính nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp bị thiệt hại do gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(5) Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(6) Trường hợp di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 Luật Quản lý thuế, phải có:

(7) Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

(8) Đề án hoặc phương án di dời, trong đó thể hiện rõ kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế).

Lưu ý: Số lượng hồ sơ 01 (bộ)

3. Trình tự gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoán thu.

Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

- Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, gửi qua đường bưu chính công chức thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và trả kết quả theo quy định.
- Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;
- Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;
- Hoặc gửi hồ sơ điện tử đến cơ quan thuế qua giao dịch điện tử (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN).

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế chưa đầy đủ theo quy định hoặc phát hiện có dấu hiệu sai phạm về giá trị vật chất bị thiệt hại trong hồ sơ do người nộp thuế tự xác định hoặc các sai sót khác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Nghị định 126/2020/NĐ-CP đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế đầy đủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải ban hành Thông báo không chấp thuận gia hạn nộp thuế (mẫu số 03/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC) đối với trường hợp không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế;

Quyết định gia hạn nộp thuế (mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC) đối với trường hợp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế. Mẫu số 01/TB-BSTT-NNT; Mẫu số 02/GHAN; Mẫu số 03/GHAN.

Thuế tối thiểu toàn cầu vì sao doanh nghiệp phải biết?

Thời gian qua, các nội dung thảo luận liên quan đến việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu đã trở thành chủ đề nóng của các diễn đàn kinh doanh tại Việt Nam.

Không những các diễn đàn doanh nghiệp trong và ngoài nước đang quan tâm đến vấn đề này mà Chính phủ hiện nay cũng đang chạy đua với thời gian để bắt kịp xu hướng toàn cầu về loại thuế này.

Một trong những điều quan trọng mà doanh nghiệp phải biết đó chính là đối tượng và cách thức thu thuế trong việc đầu tư ra nước ngoài. Từ vấn đề vi mô đến vĩ mô để vẫn thu hút được nhà đầu tư khi triển khai sắc thuế này thì định hướng của Chính phủ sẽ ra sao?

thue-toi-thieu-toan-cau-vi-sao-doanh-nghiep-phai-biet?

1. Thuế tối thiểu toàn cầu là gì?

Thuế tối thiểu toàn cầu là một loại thuế đã được nghiên cứu từ lâu, tuy nhiên gần đây khi tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động thì loại thuế này đã được đẩy mạnh triển khai đi vào thị trường kinh tế toàn cầu.

Để hiểu rõ hơn về loại thuế này, thì trước tiên đây là loại thuế đánh vào các doanh nghiệp lớn, công ty đa quốc gia có doanh thu lớn nhưng lại đầu tư vào các nước có mức thuế suất thấp nhằm trốn thuế và có nguy hại về cạnh tranh không lành mạnh.

Thì để ngăn chặn việc này mà không làm mất đi tính cạnh tranh toàn cầu thì các nước trên thế giới đã thống nhất đưa thuế tối thiểu toàn cầu vào các doanh nghiệp đầu tư lớn bằng cách đặt ra giới hạn về đóng thuế tại nước sở tại cũng như chính quốc. Qua đó, tạo sự công bằng và tránh tình trạng trốn thuế.

2. Nguyên nhân xuất phát từ đâu?

Vào cuối năm ngoái, cụ thể là ngày 15/12/2022 Liên minh Châu u (EU) đã thông qua kế hoạch áp thuế suất tối thiểu 15%. Gần đây nhất, ngày 23/12/2022, Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua Đạo luật Điều chỉnh Thuế quốc tế, áp dụng mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu từ ngày 01/01/2024.

Theo dự đoán của Chính phủ cùng các chuyên gia trong lĩnh vực cho rằng quy định này của Hàn Quốc sẽ ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc tại các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Không những Hàn Quốc nếu chậm trễ trong việc triển khai các chính sách, đạo luật phù hợp với loại thuế này thì có thể Việt Nam sẽ chịu rất nhiều tổn thất về đầu tư FDI và lạc nhịp so với sự thay đổi của nền kinh tế thế giới.

Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu là một nội dung chính trong chương trình chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận (BEPS) do OECD khởi xướng và hiện nay đã được hơn 140 quốc gia đồng thuận.

3. Đối tượng của thuế tối thiểu toàn cầu là ai?

Theo như thông tin ban đầu có được thì các quốc gia đã thống nhất với nhau rằng thuế tối thiểu toàn cầu là mức thuế sẽ áp dụng cho các doanh nghiệp đa quốc gia có doanh thu toàn cầu trên 750 triệu euro và có mức lợi nhuận trên 10% sẽ bị áp dụng mức thuế suất tối thiểu 15%.

Điều này có nghĩa, khi các công ty này đi đầu tư ở nước ngoài mà nộp thuế thu nhập tại nước đầu tư dưới mức 15% thì sẽ phải nộp phần chênh lệch tại nước nơi họ có trụ sở chính. Còn đối với các doanh nghiệp mà có dưới 750 triệu euro thì sẽ không phải là đối tượng của sắc thuế này, điều này nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tham gia đầu tư tại nước ngoài phát triển ổn định hơn.

Theo đó, các doanh nghiệp đa quốc gia được hưởng lợi từ các ưu đãi thuế với mức thuế suất thấp hơn mức tối thiểu 15% sẽ phải thanh toán chênh lệch cho quốc gia sở tại.

Do đó, khi quy tắc này được thực thi trên phạm vi toàn cầu, việc đặt thuế suất có hiệu lực dưới ngưỡng 15% sẽ có ảnh hưởng đến các quyết định đặt địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời giảm khả năng thu thuế.

4. Ưu điểm và nhược điểm của thuế tối thiểu toàn cầu

Việc thuế tối thiểu toàn cầu ra đời cũng là một điều tất yếu và các nước trên thế giới cần phải xác định rõ cũng như nghiên cứu điều tiết các quy định pháp luật của nước mình để điều chỉnh theo quy luật, trong đó phải hiểu được ưu điểm và nhược điểm của sắc thuế này mà đưa ra phương án phù hợp.

4.1 Ưu điểm của thuế tối thiểu toàn cầu

Để nói về mặt ưu điểm của loại thuế này khi ra đời với sứ mệnh lớn và có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Trước hết là những quốc gia được đặt trụ sở.

Xét về mục tiêu phát triển kinh tế toàn cầu và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng giữa các quốc gia, Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu là một cải cách thuế tiên bộ, nhằm hạn chế thực trạng nhiều công ty lớn lập kế hoạch giảm thiểu thuế bằng cách chuyển lợi nhuận sang các thiên đường thuế, hay hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia mà không hiện diện vật lý.

Qua đó, Việt Nam có thể kiểm soát các doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài một cách an toàn hơn và tránh bị thất thu về thuế khi những doanh nghiệp này trốn thuế tại các nước không truy thu thuế.

4.2 Nhược điểm của thuế tối thiểu toàn cầu

Dù mang đến nhiều lợi ích là vậy, nhưng sắc thuế này mang đến nhiều lợi ích cho các quốc gia phát triển, còn đối với những quốc gia đang phát triển một khi Quy tắc này được các nước áp dụng thì có thể làm giảm tính hấp dẫn, cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài. Đặc biệt tại Việt Nam, ưu đãi thuế hiện là một công cụ để hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, các nhà đầu tư sẽ phải nộp bổ sung phần

thuế chênh lệch về chính quốc, khiến các biện pháp ưu đãi thuế không còn mang lại nhiều tác dụng.

Có thể nói, việc thực thi thuế tối thiểu toàn cầu sẽ đặt ra nhiều thách thức đối với việc duy trì tính cạnh tranh về môi trường đầu tư của Việt Nam. Qua đó, bắt buộc Việt Nam phải nhanh chóng triển khai các dự án, đạo luật để doanh nghiệp trong nước và ngoài nước đầu tư tại Việt Nam được ổn định mà vẫn thu hút.

5. Định hướng của Chính phủ và các giải pháp sắp tới

Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đang rất tích cực, chủ động trước vấn đề này, thậm chí đã có những hành động cụ thể. Những nước đi đầu tư như EU, Hàn Quốc, Anh, Nhật Bản... đều đã thông qua hoặc đang ráo riết sửa đổi các quy định liên quan để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu nhằm thu thuế bổ sung từ năm 2024.

Ngược lại, những nước tiếp nhận đầu tư như Thái Lan, Malaysia, Indonesia... cũng đều đã có các động thái quyết liệt để tìm giải pháp nhằm ứng phó, giữ chân nhà đầu tư trước ảnh hưởng của thuế tối thiểu toàn cầu.

Một trong các giải pháp tối ưu mà các nước đang nghiên cứu áp dụng là cơ chế QDMT. Đây là cơ chế thuế suất tối thiểu nội địa nhằm ngăn chặn việc các quốc gia khác giành quyền đánh thuế và OECD cũng đang tích cực khuyến nghị áp dụng cơ chế này. Cụ thể, khi áp dụng cơ chế QDMT, các nước có thể bảo vệ quyền đánh thuế của mình bằng cách thực hiện việc thu thuế bổ sung bằng chênh lệch giữa mức thuế tối thiểu nội địa với mức thuế ưu đãi dành cho các công ty con của các tập đoàn đa quốc gia trước khi số thuế này bị nộp về cho chính phủ nơi công ty mẹ đặt trụ sở do thuộc đối tượng áp dụng Thuế suất tối thiểu toàn cầu.

Nhiều chuyên gia trong và ngoài nước đã đề xuất Chính phủ Việt Nam nghiên cứu tác động của thuế tối thiểu toàn cầu đến quyền lợi của các doanh nghiệp nằm trong diện cải cách thuế này.

Ngày 4/8/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định 55/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về nghiên cứu và đề xuất các giải pháp liên quan đến thuế suất tối thiểu toàn cầu của OECD.

Hiện nay, Tổ công tác đang được kiện toàn nhân sự để nhanh chóng xây dựng khung pháp lý nội luật về thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, để đảm bảo các chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam được thực thi hiệu quả.

Các chuyên gia quốc tế cũng cho rằng Việt Nam có thể xem xét nhiều cách khác nhau để thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích các nhà đầu tư hiện tại như hoàn thiện hệ thống pháp luật nội địa, hiện đại hóa việc quản lý thuế, nâng cao hiệu quả của các chính sách thuế và đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ đầu tư, nhất là các biện pháp hỗ trợ sau thuế theo xu thế chung và phù hợp với các cam kết quốc tế.

Biện pháp giảm số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN

Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Công văn 479/BHXH-TST về tăng cường thực hiện giảm số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2023. Theo đó, để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, phấn đấu giảm số tiền chậm đóng BHXH xuống mức thấp nhất, BHXH Việt Nam yêu cầu Giám đốc BHXH các tỉnh, các đơn vị trực thuộc có liên quan tại BHXH Việt Nam tiếp tục triển khai một số nội dung sau:

1. Biện pháp giảm số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN với BHXH tỉnh

* Thực hiện nghiêm các quy định, quy trình quản lý thu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả. Hàng tháng thực hiện việc thông tin, thông báo kết quả đóng BHXH tới đơn vị sử dụng lao động và người lao động để đơn vị biết và đóng BHXH đầy đủ, kịp thời.

- Trường hợp đơn vị chậm đóng từ 01 tháng đến dưới 03 tháng, thực hiện gửi thông báo đôn đốc đến đơn vị. Nếu đơn vị không đóng tiền, cán bộ lập Biên bản hành vi vi phạm theo quy định.

- Đối với đơn vị chậm đóng từ 03 tháng trở lên tổ chức thanh tra chuyên ngành đột xuất, xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền nếu đơn vị không thực hiện kết luận thanh tra; phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an lập và chuyển hồ sơ, tài liệu để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo Ban chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT của tỉnh về tình trạng chậm đóng BHXH của các đơn vị trên địa bàn; chủ động đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ thu nợ liên ngành và xử lý nghiêm đơn vị vi phạm việc đóng BHXH theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Lập danh sách đơn vị đã đôn đốc nộp tiền chậm đóng hoặc đã thanh tra đột xuất và vi phạm hành chính nhưng cố tình không đóng BHXH để thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương và Trung ương.

* Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, đối thoại với đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn bằng các hình thức linh hoạt, phù hợp để phổ biến các quy định, chính sách mới, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

Đôn đốc đơn vị đóng BHXH kịp thời, không để phát sinh số tiền chậm đóng mới.

Phối hợp với công đoàn cơ sở, đơn vị sử dụng lao động vận động người lao động cài đặt ứng dụng VssID - BHXH số trên nền tảng thiết bị di động để người lao động theo dõi, giám sát quá trình đóng và quyền lợi hưởng chế độ BHXH, BHYT.

* Xây dựng kế hoạch cụ thể theo tuần, tháng đối với lãnh đạo và các phòng chức năng liên quan, giao trách nhiệm cho lãnh đạo, cán bộ chuyên quản làm việc, nắm bắt, xử lý thông



tin, đơn đốc doanh nghiệp đóng BHXH, BHYT, BHTN kịp thời. Xem đây là tiêu chí để đánh giá, chấm điểm thi đua, khen thưởng của tập thể, cá nhân hàng quý và cả năm.

2. Biện pháp giảm số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN với các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam

- Ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ

Đơn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của BHXH các tỉnh, hàng tháng báo cáo Tổng Giám đốc những địa phương không thực hiện tốt các quy định dẫn đến tăng số tiền chậm đóng BHXH và yêu cầu Giám đốc BHXH tỉnh trực tiếp giải trình.

- Vụ Thanh tra - Kiểm tra: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để kiểm tra, đơn đốc BHXH tỉnh tổ chức các cuộc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHYT, BHTN đột xuất theo quy định.

- Trung tâm Truyền thông

+ Phối hợp với BHXH các tỉnh đăng tải thông tin của các đơn vị chậm đóng, trốn đóng, đơn vị cố tình vi phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Hướng dẫn BHXH các tỉnh tuyên truyền pháp luật về BHXH trong đó linh hoạt, đa dạng các hình thức tuyên truyền trên mạng xã hội, báo, tạp chí...

- Trung tâm Công nghệ thông tin

Hoàn thiện các chức năng phần mềm đáp ứng việc quản lý, cập nhật theo thời gian, số tiền chậm đóng và trạng thái của từng người lao động tại các đơn vị chậm đóng.

- Trung tâm Chăm sóc khách hàng: Tăng cường hướng dẫn và kiểm tra các địa phương thực hiện hoàn thành kế hoạch cài đặt ứng dụng BHXH số VssID - trên nền tảng thiết bị di động cho người lao động, người dân.

04 điểm mới Nghị định 08/2023/NĐ-CP về trái phiếu doanh nghiệp

Chính phủ ban hành Nghị định 08/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Theo đó, ban hành nhiều quy định định mới về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, như sau:

1. Có thể thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác

Điều 1 Nghị định 08/2023/NĐ-CP sửa đổi khoản 3 Điều 34 Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn. Theo đó, cho phép doanh nghiệp phát hành trái phiếu có thể thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác.

Cụ thể, doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu.

Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định 153/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó.
- Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận.
- Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật.

(Trước đó, chỉ yêu cầu doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu.)

2. Cho phép doanh nghiệp được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu

Theo Điều 2 Nghị định 08/2023/NĐ-CP (sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định 65/2022/NĐ-CP, cho phép doanh nghiệp được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu.

Cụ thể, việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP.
- Trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư.
- Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).

3. Doanh nghiệp được kéo dài kỳ hạn trái phiếu tối đa không quá 2 năm

Tại Điều 2 Nghị định 08/2023/NĐ-CP quy định về việc cho phép doanh nghiệp được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu vừa nêu tại mục 2 đã đề cập đến trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư.

(Theo quy định trước đó tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP, doanh nghiệp không được thay đổi kỳ hạn của trái phiếu đã phát hành.)

Như vậy, Nghị định 08/2023/NĐ-CP cho phép doanh nghiệp được kéo dài kỳ hạn trái phiếu tối đa không quá 2 năm.

4. Ngưng hiệu lực nhiều quy định về trái phiếu đến hết ngày 31/12/2023

Tại Điều 3 Nghị định 08/2023/NĐ-CP, quy định ngưng hiệu lực thi hành đối với các quy định sau đây tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP đến hết ngày 31/12/2023, bao gồm:

- Quy định về việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP.
- Quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP.
- Quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại điểm e khoản 2 Điều 12 Nghị định 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

Các đợt chào bán trái phiếu đã gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán trước ngày 05/3/2023 mà chưa hoàn thành việc phân phối trái phiếu thì tiếp tục thực hiện theo quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Thông tư số: 02/2023/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y tế

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 Bộ Y tế ban hành thông tư số 02/2023/TT-BYT về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội.

Theo đó, bổ sung bệnh COVID-19 nghề nghiệp vào Danh mục bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm, kèm theo Hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh COVID-19 nghề nghiệp và Biên bản xác định tiếp xúc nghề nghiệp với vi rút SARS-CoV-2 tại các Phụ lục định kèm.

Người lao động làm nghề, công việc thường gặp và nguồn tiếp xúc với vi rút SARS-CoV-2 sau thuộc đối tượng được chẩn đoán, giám định bệnh COVID-19 nghề nghiệp gồm: Người làm nghề, công việc tại cơ sở y tế; Người làm nghề, công việc trong phòng thí nghiệm, lấy mẫu, vận chuyển mẫu, xử lý, bảo quản và tiêu hủy mẫu có chứa vi rút SARS-CoV-2;

Bên cạnh đó, người làm nghề, công việc phòng chống dịch, phục vụ, cứu trợ người nhiễm vi rút SARS-CoV-2 cũng thuộc nhóm đối tượng được chẩn đoán, giám định bệnh COVID-19 nghề nghiệp, gồm: Người làm nghề, công việc trực tiếp trong khu cách ly tập trung, cách ly y tế tại nhà, cách ly y tế vùng có dịch, hỗ trợ chăm sóc người bệnh COVID-19 tại nhà; người vận chuyển, phục vụ người bệnh COVID-19; nhân viên hải quan, ngoại giao; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp; chiến sỹ, sĩ quan thuộc lực lượng công an...

Người lao động làm nghề, công việc nêu trên được chẩn đoán xác định mắc bệnh COVID-19 do tiếp xúc trong quá trình lao động trong thời gian từ 01/02/2020 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được lập hồ sơ bệnh nghề nghiệp để khám giám định và hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp theo quy định hiện hành.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/4/2023.

Thông tư số: 12/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 12/2023/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 107/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước.

Theo đó, bổ sung hình thức giao kết Hợp đồng khung và phụ lục hợp đồng của các giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ (TPCP) giữa Kho bạc Nhà nước (KBNN) và ngân hàng thương mại (NHTM).

Cụ thể, ngoài được giao kết bằng văn bản giấy (có đầy đủ dấu và chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền đại diện các bên thực hiện hợp đồng) theo quy định hiện hành, Hợp đồng khung và phụ lục hợp đồng có thể được giao kết bằng văn bản điện tử (được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định).



Bên cạnh đó, bổ sung quy định về tiền lãi danh nghĩa TPCP. Trường hợp KBNN nhận được tiền lãi danh nghĩa TPCP trong thời gian mua lại có kỳ hạn TPCP, KBNN có trách nhiệm hoàn trả số tiền lãi danh nghĩa TPCP đã nhận được cho các NHTM theo mã TPCP mà KBNN nhận được tiền lãi danh nghĩa.

Việc hoàn trả tiền lãi danh nghĩa TPCP được thực hiện bên ngoài hệ thống giao dịch công cụ nợ của Sở Giao dịch Chứng khoán; thời điểm hoàn trả lãi danh nghĩa do hai bên tự thống nhất, nhưng không được muộn hơn 5 ngày làm việc, kể từ ngày thực thanh toán lãi trái phiếu.

Ngoài ra, trường hợp chuyển tiền lãi danh nghĩa chậm, KBNN có trách nhiệm thanh toán tiền phạt chậm thanh toán cho NHTM đối với số ngày chậm thanh toán theo mức lãi suất phạt chậm thanh toán theo quy định.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 04/5/2023.

Nghị định số: 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2023/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Theo đó, trong thời hạn 30 ngày làm việc (thay vì 20 ngày làm việc như quy định hiện hành) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hợp lệ (khi nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục không quá thời hạn tối đa quy định), Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xem xét, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quyết định cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và nêu rõ lý do.

Bên cạnh đó, ngoài việc gửi hồ sơ trực tiếp đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (tại Bộ phận Một cửa) hoặc thông qua dịch vụ bưu chính như quy định hiện hành, tổ chức đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp nêu trên, tổ chức đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại thẻ kiểm định viên có thể nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 13/02/2023.

Nghị định số: 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2023/NĐ-CP về Quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Theo đó, việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức áp dụng đối với người đăng ký tuyển dụng vào công chức thông qua hình thức thi tuyển. Việc kiểm định được tổ chức định kỳ 02 lần vào tháng 7 và tháng 11 hằng năm

Ngoài ra, hình thức kiểm định là thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Nội dung kiểm định gồm: hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, quản lý hành chính Nhà nước; quyền, nghĩa vụ của công chức; kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử, đạo đức công vụ... và đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn của thí sinh. Thí sinh trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên được xác định là đạt yêu cầu kiểm định chất lượng đầu vào. Kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức có giá trị sử dụng trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày có quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ.

Đáng chú ý, việc tổ chức thi vòng 1 trong thi tuyển công chức tiếp tục được thực hiện theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP đến hết ngày 31/7/2024. Trong thời gian này, người nào đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào thì không phải thi vòng 1. Kể từ ngày 01/8/2024, cơ quan tuyển dụng công chức chỉ tuyển dụng công chức đối với người đạt kết quả kiểm định. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2023.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368

